

Số: 5476953

|                                                | Mazda CX-30 2.0L Luxury                      | KIA NEW SPORTAGE 2.0G DELUXE |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 699.000.000đ                                 | 769.000.000đ                 |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                              |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4395 x 1795 x 1540                           | 4.685 x 1.865 x 1.660        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2655                                         | 2.755                        |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                                         | -                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 175                                          | 181                          |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1441                                         | -                            |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1936                                         | -                            |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 430                                          | -                            |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51                                           | 52                           |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                            | 5                            |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    |                              |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                              |                              |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 2.0L                              | Smartstream 2.0G             |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1998                                         |                              |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 153 / 6000                                   | 154 hp / 6.200 rpm           |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 200 / 4000                                   | 192 Nm / 4.500 rpm           |
| Hộp số                                         | 6AT                                          | Tự động 6 cấp (6AT)          |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)              |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                           | McPherson                    |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   | Liên kết đa điểm             |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          |                              |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          |                              |
| Thông số lốp xe                                | 215/55 R18                                   | 235/55 R19                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10.53                                        |                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.63                                         |                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.07                                         |                              |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                            |                              |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 | Normal, Eco, Sport, My Drive |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus |                              |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                              |                              |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          | LED                          |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                            | ●                            |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                            | -                            |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            |                              |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                            | ●                            |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                          | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                            | ●                            |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                            | -                            |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                                              |                              |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                            | ●                            |
| Chất liệu ghế                                  | Da                                           | Da                           |

|                                            |                  |              |
|--------------------------------------------|------------------|--------------|
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                |              |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                | -            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                | ●            |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                |              |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Analog & Digital | 4.3"         |
| Màn hình HUD                               | ●                |              |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 8.8              | 12.3"        |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                | Không dây    |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                | -            |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 2                |              |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | ●                | ●            |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                | ●            |
| Khởi động nút bấm                          | ●                | ●            |
| Hệ thống âm thanh                          | 8 loa            | 6 loa        |
| Lấy chuyển số                              | ●                | -            |
| Phanh đỗ điện tử                           | ●                | ●            |
| Giữ phanh tự động Autohold                 | ●                | ●            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | ●                | ●            |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                  |              |
| Số túi khí                                 | 7                | 06           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                | ●            |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                | ●            |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●                | ●            |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●                |              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●                | ●            |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●                |              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●                | ●            |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●                | ●            |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●                | ●            |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau              | Trước và sau |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | Cruise control   | ●            |
| Camera lùi                                 | ●                | ●            |